

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định về hệ thống quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong của Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 181/CP ngày 17 tháng 9 năm 1969 của Hội đồng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 1436/QĐ-BXD ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội;

Căn cứ Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 5 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học;

Xét đề nghị của Trường phòng Thanh tra, Khảo thí & Đảm bảo chất lượng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định về hệ thống quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong của Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội”.

Điều 2. Quy định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Trường các đơn vị trực thuộc Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- CT. HĐT;
- Ban Giám hiệu;
- Như Điều 3;
- Lưu VT, TT&KTĐBCL.



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS.KTS. Lê Quân

QUY ĐỊNH

Quy định về hệ thống quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong của Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội

(Ban hành kèm theo Quyết định số 479 /QĐ-ĐHKT-TTrKTĐBCL ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Văn bản này quy định các nội dung liên quan đến hệ thống quản lý thông tin đảm bảo chất lượng giáo dục (ĐBCLGD) bên trong của Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội, bao gồm: mục tiêu quản lý; nội dung các thông tin ĐBCLGD bên trong; cách thức vận hành và quản lý; các phương án bảo mật và lưu trữ thông tin ĐBCLGD và các nội dung khác có liên quan đến trách nhiệm của các đơn vị trong tổ chức triển khai quản lý thông tin ĐBCLGD bên trong của Nhà trường.

2. Đối tượng áp dụng

Các đơn vị, cá nhân chịu sự quản lý của Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong văn bản này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Đảm bảo chất lượng bên trong là toàn bộ hệ thống, nguồn lực và thông tin dành cho việc thiết lập, duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chuẩn giảng dạy, học tập, nghiên cứu và phục vụ cho cộng đồng.

2. Thông tin đảm bảo chất lượng bên trong là toàn bộ hệ thống văn bản quản lý, các kế hoạch thực hiện, thông báo triển khai, kết quả thực hiện, kết quả đánh giá (thông qua lấy ý kiến phản hồi, thông qua báo cáo...), kết quả cải tiến và các dữ liệu được thống kê, xử lý liên quan gắn với từng lĩnh vực hoạt động của nhà trường.

3. Hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng bên trong là tập hợp các bộ phận thu thập, xử lý, lưu trữ, quản lý thông tin dữ liệu của nhà trường nhằm sẵn sàng trích xuất, cung cấp khi cần thiết để phục vụ nâng cao chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

Điều 3. Mục tiêu quản lý hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng bên trong

1. Hình thành hệ thống thông tin, dữ liệu về đảm bảo chất lượng giáo dục của Nhà trường.

2. Sẵn sàng trích xuất và cung cấp các thông tin, dữ liệu (đầy đủ, chính xác, kịp thời) cho các đơn vị có nhu cầu theo chỉ đạo của lãnh đạo nhà trường và đề xuất từ các đơn vị đồng cấp để phục vụ hoạt động kiểm định chất lượng và ĐBCLGD trong Nhà trường

3. Bảo đảm an toàn, bảo mật và không ngừng cải tiến hệ thống thông tin ĐBCLGD bên trong của Nhà trường.

Điều 4. Các thông tin đảm bảo chất lượng bên trong cần được thu thập và quản lý

1. Hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng bên trong theo chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thuộc trường

a. Các thông tin thuộc lĩnh vực đào tạo: thông tin, dữ liệu về tuyển sinh; quá trình và kết quả học tập của người học; số lượng và năng lực của đội ngũ giảng viên; mở mới và phát triển chương trình đào tạo...

b. Các thông tin thuộc lĩnh vực nghiên cứu khoa học: đề tài nghiên cứu khoa học của giảng viên, nhân viên và người học; bài báo khoa học (trong nước, quốc tế); giáo trình, sách chuyên khảo, sách tham khảo, sách hướng dẫn; tỷ lệ tăng trưởng nguồn thu từ chuyển giao khoa học công nghệ; tỷ lệ chi cho nghiên cứu khoa học; giải pháp, sáng chế, sáng kiến được công nhận; giải thưởng liên quan đến khoa học công nghệ...

c. Các thông tin thuộc lĩnh vực phục vụ cộng đồng: hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cho các tổ chức, cá nhân bên ngoài nhà trường; hoạt động chuyển giao công nghệ; hoạt động liên quan đến tình nguyện, hiến máu, hỗ trợ xã hội khác...; tỷ lệ nguồn thu từ hoạt động phục vụ cộng đồng...

d. Các thông tin, dữ liệu có tính chất chỉ đạo của Nhà trường: chỉ đạo của Đảng ủy, Chi ủy, Chi bộ; chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ của Nhà trường từ Hội đồng trường; chỉ đạo thực hiện và triển khai thực hiện của Ban Giám hiệu.

e. Các thông tin thuộc lĩnh vực hỗ trợ triển khai hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng: lĩnh vực tổ chức cán bộ (thông tin quy hoạch, kế hoạch, tuyển dụng, điều chuyển, bổ nhiệm, đào tạo, bồi dưỡng...); lĩnh vực cơ sở vật chất, trang thiết bị và học liệu (hệ thống phòng học, phòng thí nghiệm, phòng thực hành, hệ thống học liệu, hệ thống công nghệ thông tin, hệ

thông trang thiết bị hỗ trợ, phục vụ dạy và học); lĩnh vực tài chính (nguồn thu, kết quả thực hiện thu chi tài chính của Nhà trường..); lĩnh vực hỗ trợ người học (thông tin về chính sách, chế độ đối với người học, các thông tin về người học tốt nghiệp và đơn vị sử dụng người học đã tốt nghiệp, môi trường và đảm bảo sức khỏe đối với người học...); lĩnh vực khảo thí (thông tin dữ liệu về ngân hàng đề, bài thi, hồ sơ thi...); lĩnh vực đảm bảo chất lượng giáo dục (thông tin về kiểm định chất lượng, đảm bảo chất lượng giáo dục của Nhà trường, quá trình tự đánh giá và chuẩn bị đánh giá ngoài...).

f. Các thông tin dữ liệu thuộc các Khoa, Bộ môn: mở ngành, điều chỉnh và phát triển chương trình đào tạo; biên bản họp góp ý, họp chuyên môn; các báo cáo của đơn vị về hoạt động theo nhiệm vụ được giao.

g. Các thông tin dữ liệu của các tổ chức đoàn thể trong Nhà trường: bao gồm các thông tin, dữ liệu về các hoạt động hỗ trợ của các đoàn thể, các hoạt động thể dục thể thao, văn nghệ cho đội ngũ giảng viên, nhân viên và người học; các hoạt động tình nguyện, thiện nguyện, hiến máu của đội ngũ giảng viên, nhân viên và người học...

h. Các thông tin dữ liệu khác của các đơn vị trong Nhà trường để phục vụ kiểm định và đảm bảo chất lượng trong nhà trường.

2. Hệ thống thông tin dữ liệu được thu thập thông qua hoạt động lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan

a. Tất cả kế hoạch, thông báo lấy kiến phản hồi của các bên liên quan, báo cáo kết quả lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan theo quy định của Nhà Trường.

b. Dữ liệu khảo sát gốc (dữ liệu sơ cấp sau khi lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan).

c. Biên bản họp, góp ý của các đơn vị trong quá trình triển khai các nhiệm vụ của Nhà trường.

3. Hệ thống thông tin dữ liệu đánh giá về các hoạt động của Nhà trường từ các tổ chức, cá nhân bên ngoài (không bao gồm khoản 2, Điều 4)

a. Các kết quả thẩm định báo cáo tự đánh giá cơ sở giáo dục, chương trình đào tạo của Nhà trường từ các Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục.

b. Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đối với cơ sở giáo dục, chương trình đào tạo.

c. Nghị quyết công nhận kết quả kiểm định chất lượng giáo dục đối với cơ

sở giáo dục, chương trình đào tạo của Nhà trường từ các đơn vị có thẩm quyền.

Điều 5. Đảm bảo an toàn và bảo mật đối với thông tin đảm bảo chất lượng giáo dục bên trong

1. Nhà trường xây dựng quy định, chính sách đảm bảo an toàn và bảo mật đối với thông tin đảm bảo chất lượng giáo dục bên trong bảo đảm nguyên tắc bảo mật thông tin, dữ liệu; thông báo, hướng dẫn thực hiện đối với giảng viên, người học; phương thức và nguồn lực bảo mật thông tin ĐBCLGD bên trong...

2. Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý thông tin ĐBCLGD bên trong bảo đảm dễ dàng trích xuất và cung cấp khi có yêu cầu; bảo đảm an toàn và bảo mật thông tin, dữ liệu.

Điều 6. Lưu trữ và cung cấp thông tin đảm bảo chất lượng giáo dục bên trong

1. Hệ thống thông tin ĐBCLGD được các đơn vị trực thuộc Trường chủ động lưu trữ đồng thời dưới dạng văn bản giấy và dữ liệu điện tử theo đúng quy định về hướng dẫn lưu trữ tại Thông tư số 27/2016/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định thời hạn bảo quản tài liệu chuyên môn nghiệp vụ của ngành giáo dục và quy định của Nhà trường.

2. Lãnh đạo đơn vị trực thuộc Trường tham gia vào quá trình quản lý thông tin ĐBCLGD của đơn vị, xây dựng và thiết kế các thông tin ĐBCLGD bên trong, bảo đảm tính chính xác và độ tin cậy của các thông tin của đơn vị.

3. Thông qua cán bộ văn thư hoặc cán bộ tổ đảm bảo chất lượng các đơn vị trích xuất, cung cấp các thông tin, dữ liệu về ĐBCLGD bên trong khi có chỉ đạo của lãnh đạo Nhà trường và đề nghị từ các đơn vị đồng cấp.

Điều 7. Rà soát, đánh giá và cải tiến hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng giáo dục bên trong

1. Theo chức năng, nhiệm vụ các đơn vị định kỳ rà soát, đánh giá và có giải pháp cải tiến đối với công tác thu thập, xử lý, lưu trữ, quản lý và sẵn sàng trích xuất, cung cấp thông tin, dữ liệu đảm bảo chất lượng giáo dục bên trong.

2. Hoạt động rà soát, đánh giá bảo đảm sử dụng ý kiến góp ý của các bên liên quan và phù hợp với thực tiễn bối cảnh triển khai các hoạt động của Nhà trường và của các đơn vị trực thuộc trường.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Hiệu trưởng chỉ đạo các đơn vị trực thuộc Nhà trường và các tổ chức

đoàn thể thực hiện nghiêm túc việc thu thập, xử lý, lưu trữ, quản lý và sẵn sàng xuất, cung cấp thông tin, dữ liệu ĐBCLGD bên trong.

2. Các đơn vị chủ trì và quản lý thông tin ĐBCLGD bên trong theo chức năng, nhiệm vụ được giao triển khai thu thập (xác định cách thức thu thập, phân loại thông tin) xử lý, lưu trữ, quản lý và sẵn sàng trích xuất, cung cấp thông tin, dữ liệu ĐBCLGD bên trong khi có chỉ đạo của lãnh đạo Nhà trường và đề nghị từ các đơn vị đồng cấp; phối hợp với các đơn vị khác khi có đề xuất để xây dựng thông tin, dữ liệu chung có liên quan để phục vụ kiểm định và đảm bảo chất lượng giáo dục của Nhà trường.

3. Phòng Thanh tra, Khảo thí và Đảm bảo chất lượng thông qua mạng lưới đảm bảo chất lượng bên trong thực hiện theo dõi triển khai quản lý hệ thống thông tin ĐBCLGD: thực hiện báo cáo kết quả quản lý hệ thống thông tin ĐBCLGD hàng năm về nhà trường theo quy định.

4. Phòng Quản trị thiết bị bảo đảm an toàn, bảo mật cho hệ thống thông tin ĐBCLGD bên trong đối với các dữ liệu được lưu trữ trên mạng máy tính nội bộ của Nhà trường, đầu mối trong triển khai nhiệm vụ quản lý và nâng cấp hạ tầng công nghệ để hỗ trợ các đơn vị xây dựng và quản lý hệ thống thông tin ĐBCLGD bên trong.